

Số: 04/2024/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 04 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 187/2023/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Tô Thị Thanh G**, sinh năm 1974;
Nơi cư trú: **Tổ B, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.**

2. Bị đơn: Ông **Vũ Duy B**, sinh năm 1965;
Nơi cư trú: **xóm H, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.**

- Căn cứ vào Điều 146; Điều 147, Điều 212, Điều 213, 482, 483 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà **Tô Thị Thanh G** và ông **Vũ Duy B**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Tô Thị Thanh G** và ông **Vũ Duy B** đều xác

định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa Bà **Tô Thị Thanh G** và ông **Vũ Duy B** chấm dứt kể từ ngày Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật.

- **Về con chung:** Con chung **Vũ Duy H**, sinh năm 1993 đã trưởng thành, bà **G** và ông **B** không yêu cầu giải quyết.

Bà **G** và ông **B** thỏa thuận: Bà **Tô Thị Thanh G** là người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung **Vũ Quang D**, sinh ngày 09/5/2007 đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

* **Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:** Tòa án không giải quyết do bà **G** và ông **B** không yêu cầu.

* **Quyền đi lại thăm nom con chung:** Ông **Vũ Duy B** có quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay:** Tòa án không giải quyết do bà **Tô Thị Thanh G** và ông **Vũ Duy B** không yêu cầu.

- **Về án phí:** Bà **Tô Thị Thanh G** nhận nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước, hoàn trả bà **G** 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) số tiền còn lại, theo biên lai thu số **0007045 ngày 11/12/2023** của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND nơi ĐKKH năm 1992 xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, bộ phận HNGĐ.

THẨM PHÁN

Mai Thị Hồng Thái

